

THÔNG BÁO

Hướng dẫn đăng ký xét tuyển vào đại học hệ chính quy năm 2021 theo phương thức xét học bạ THPT

1. Đối tượng và điều kiện xét tuyển

- Thí sinh tốt nghiệp THPT;
- Tổng điểm trung bình của 03 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển lớn hơn hoặc bằng 18 (theo thang điểm 10);
- Riêng đối với các ngành sư phạm (đào tạo giáo viên): Tổng điểm trung bình của 03 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển lớn hơn hoặc bằng 24 (theo thang điểm 10) và:
 - + Thí sinh phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên (trừ ngành Giáo dục thể chất);
 - + Đối với ngành Giáo dục Thể chất thí sinh phải có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên; thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì có học lực lớp 12 xếp loại từ trung bình trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5,0 trở lên.

2. Phương thức xét tuyển

a) Xét tuyển học bạ THPT 05 học kỳ

Tổng điểm trung bình của 05 học kỳ (bao gồm học kỳ 1, 2 lớp 10, học kỳ 1,2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển đạt 18 điểm trở lên đối với các ngành ngoài sư phạm, đạt 24 điểm trở lên đối với các ngành sư phạm.

b) Xét tuyển học bạ THPT 03 học kỳ

Tổng điểm trung bình của 03 học kỳ (bao gồm học kỳ 1, 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển đạt 18 điểm trở lên đối với các ngành ngoài sư phạm, đạt 24 điểm trở lên đối với các ngành sư phạm.

c) Xét tuyển học bạ THPT 02 học kỳ

Tổng điểm trung bình của 02 học kỳ (bao gồm học kỳ 1,2 lớp 12) của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển đạt 18 điểm trở lên đối với các ngành ngoài sư phạm, đạt 24 điểm trở lên đối với các ngành sư phạm.

3. Các ngành xét tuyển học bạ và tổ hợp môn xét tuyển

STT	Khối	Mã ngành	Tên ngành/ chuyên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	I	7140205	Giáo dục chính trị	C00 D01 C19
2	I	7140201	Giáo dục mầm non	M00
3	I	7140206	Giáo dục thể chất	T00 T02 T03 T05
4	I	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00 C00 D01

5	I	7140114	Quản lý Giáo dục	A00 C00 D01 A01
6	I	7140219	Su phạm Địa lý	A00 C00 D15
7	I	7140212	Su phạm Hoá học	A00 D07 B00
8	I	7140218	Su phạm Lịch sử	C00 C19 D14
9	I	7140217	Su phạm Ngữ văn	C00 D14 D15
10	I	7140213	Su phạm Sinh học	B00 B08
11	I	7140231	Su phạm Tiếng Anh	D01
12	I	7140210	Su phạm Tin học	A00 A01 D01
13	I	7140209	Su phạm Toán học	A00 A01
14	I	7140211	Su phạm Vật lý	A00 A01
15	III	7340301	Kế toán	A00 D01 A01
16	III	7340302	Kiểm toán	A00 D01 A01
17	III	7380101	Luật	C00 D01 C19 A00
18	III	7340101	Quản trị kinh doanh (QT doanh nghiệp; Marketing; KD quốc tế; KD thương mại; Logistics và QT Chuỗi cung ứng; Thương mại Quốc tế)	A00 D01 A01
19	III	7340201	Tài chính – Ngân hàng (Tài chính doanh nghiệp; Quản lý tài chính - Kế toán; TC công và QL thuế; NH và kinh doanh tiền tệ)	A00 D01 A01
20	IV	7440112	Hoá học (Chuyên ngành Kiểm nghiệm và quản lý chất lượng sản phẩm, Hóa học ứng dụng)	A00 D07 B00 D12
21	IV	7440122	Khoa học vật liệu (Khoa học vật liệu tiên tiến và công nghệ nano)	A00 A01 A02 C01
22	V	7510401	CN kỹ thuật hoá học (Chuyên ngành Công nghệ môi trường; Công nghệ Hữu cơ - Hóa dầu)	A00 C02 B00 D07
23	V	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00 A01 D07 D01
24	V	7480201	Công nghệ thông tin (Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Mạng máy tính)	A00 A01 D01 K01
25	V	7520201	Kỹ thuật điện (2 Chuyên ngành Kỹ thuật điện – điện tử; Kỹ thuật điện và CNTT)	A00 A01 D07 D01
26	V	7520207	KT điện tử - viễn thông (Hệ thống nhúng và IoT, Điện tử - viễn thông)	A00 A01 D07 D01
27	V	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00 A01 K01
28	V	7620109	Nông học	B00 B03 B04 C08
29	V	7460112	Toán ứng dụng (Khoa học dữ liệu)	A00 A01 D01 D07
30	V	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00 B00 D07 C02
31	V	7520216	Kỹ thuật điều khiển và TĐH	A00 A01 D07 D01
32	VII	7760101	Công tác xã hội	C00 D01 D14
33	VII	7310608	Đông phương học (Nhật Bản học; Trung Quốc học)	C00 C19 D14 D15
34	VII	7310101	Kinh tế (Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển)	A00 D01 A01
35	VII	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01 A01 D14 D15
36	VII	7850103	Quản lý đất đai (Chuyên ngành Quản lý thị trường bất động sản; Quản lý đất đai)	A00 B00 C04 D01
37	VII	7310205	Quản lý nhà nước	C00 D01 C19 A00
38	VII	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00 B00 D01 C04
39	VII	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00 A01 D01 D14
40	VII	7810201	Quản trị khách sạn	A00 A01 D01

41	VII	7310403	Tâm lý học giáo dục	A00 C00 D01 C19
42	VII	7229030	Văn học (chuyên ngành Báo chí)	C00 D14 D15 C19
43	VII	7310630	Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	C00 D01 D15 C19
44	VII	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D04 D01 D15 A01
45	V	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô (Dự kiến)	A00 A01
46	I	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên (Dự kiến)	A00 B00
47	I	7140249	Sư phạm Lịch sử Địa lý (Dự kiến)	C00 C19 C20

* Bảng mã tổ hợp và tên môn xét tuyển

Mã	Tổ hợp môn
A00	Toán, Vật lí, Hóa học
A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
A02	Toán, Vật lí, Sinh học
B00	Toán, Hóa học, Sinh học
B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn
B04	Toán, Sinh học, GDCD
B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí
C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học
C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí
C08	Ngữ văn, Hóa học, Sinh học
C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD
C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
D12	Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh
D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
K01	Toán, Tin học, Tiếng Anh
M00	Ngữ văn, Toán, Đọc diễn cảm - Hát
T00	Toán, Sinh học, Năng khiếu TDTT
T02	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu TDTT
T03	Ngữ văn, Sinh học, Năng khiếu TDTT
T05	Ngữ văn, Giáo dục công dân, NK TDTT

4. Hồ sơ xét tuyển và hình thức đăng ký

Thí sinh sử dụng một trong 3 hình thức sau đây để đăng ký. Thí sinh nên sử dụng hình thức đăng ký trực tuyến để theo dõi kết quả tiện lợi, nhanh chóng.

4.1. Đăng ký trực tuyến:

+ Thí sinh truy cập vào địa chỉ <http://tsd.qnu.edu.vn> điền các thông tin được yêu cầu trên trang web.

+ Đính kèm file ảnh học bạ, giấy xác nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

+ Nộp lệ phí xét tuyển theo hướng dẫn tại mục 5 của thông báo này.

+ Học bạ, bằng tốt nghiệp THPT sẽ nộp khi trúng tuyển, nhập học.

4.2. Gửi qua đường bưu điện, hồ sơ gồm:

+ Thí sinh gửi qua đường bưu điện theo hình thức chuyển phát nhanh về địa chỉ: Trường Đại học Quy Nhơn, 170 An Dương Vương, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Bên ngoài bì hồ sơ ghi “Hồ sơ xét tuyển học bạ” gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển, tải mẫu phiếu tại <http://tuyensinh.qnu.edu.vn>;
 - Bản sao Học bạ Trung học phổ thông (nếu có);
 - Giấy xác nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).
- + Nộp lệ phí xét tuyển theo hướng dẫn tại mục 5 của thông báo này.
- + Học bạ, bằng tốt nghiệp THPT sẽ nộp khi trúng tuyển, nhập học.

4.3. Nộp trực tiếp tại trường

+ Thí sinh đến Văn Phòng tuyển sinh, Trường Đại học Quy Nhơn (Tầng 1, Nhà 4 tầng, 170 An Dương Vương, TP. Quy Nhơn) trong ngày làm việc, giờ hành chính, nộp hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển, tải mẫu phiếu tại <http://tuyensinh.qnu.edu.vn>;
 - Bản sao Học bạ Trung học phổ thông (nếu có);
 - Giấy xác nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).
- + Nộp lệ phí 30.000đ/ 01 nguyện vọng tại Phòng Kế hoạch Tài chính
- + Học bạ, bằng tốt nghiệp THPT sẽ nộp khi trúng tuyển, nhập học.

5. Lệ phí xét tuyển và cách thức nộp

- + Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/ 01 nguyện vọng.
- + Lệ phí xét tuyển nộp trực tiếp tại trường **hoặc** theo hình thức chuyển khoản đến:
 - Tên tài khoản: Trường Đại học Quy Nhơn
 - Số tài khoản: 5801.0001.368.383
 - Ngân hàng: TMCP Đầu tư và phát triển Bình Định (BIDV)
 - Nội dung theo cú pháp: [Số CMND]; [Họ và tên]; [LPXT].

Chú ý: Thí sinh giữ nguyên chữ LPXT (không ghi số tiền ở đây).

6. Thời gian nhận hồ sơ:

- + **Đợt 1:** từ ngày 15/3/2021 đến ngày 30/5/2021.
- + **Đợt 2:** từ ngày 01/6/2021 đến ngày 30/7/2021.
- + **Đợt 3:** từ ngày 01/8/2021 đến ngày 30/8/2021.

7. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm xét tuyển là tổng điểm (TB) của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có). Đối với ngành Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Tiếng Anh điểm môn Anh nhân hệ số 2, ngành Toán ứng dụng điểm môn Toán nhân hệ số 2, ngành Giáo dục thể chất điểm môn Năng khiếu GDTC nhân hệ số 2; cộng với điểm các môn còn lại trong tổ hợp môn xét tuyển, chia cho 4 và nhân 3 (quy về điểm tối đa 30) lấy kết quả cộng với điểm ưu tiên (nếu có) làm điểm xét tuyển.

b) Nguyên tắc xét tuyển:

- Thí sinh trong cùng ngành được xếp thứ tự từ cao đến thấp theo điểm xét tuyển và được chọn từ trên xuống cho đến hết chỉ tiêu và đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định.

- Thí sinh có thể trúng tuyển nhiều nguyện vọng và tự chọn ngành trúng tuyển để nhập học.

8. Thông báo kết quả xét tuyển

- Kết quả xét tuyển được thông báo trên tài khoản thí sinh khi kết thúc đợt xét tuyển.

- Giấy báo nhập học bản điện tử được gửi qua tài khoản và email của thí sinh. Thí sinh có thể in ra và nhập học một cách hợp lệ tại trường.

- Giấy báo nhập học bản giấy được gửi qua bưu điện đến cho thí sinh trúng tuyển. Ngoài ra, thí sinh có thể nhận giấy báo nhập học bản giấy tại trường.

Nhà trường trân trọng thông báo để thí sinh biết và đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Quy Nhơn./.

Nơi nhận:

- Các trường THPT;
- Các đơn vị trong Trường;
- Đăng website;
- Lưu: VT, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

